

CTY CP PETEC BÌNH ĐỊNH  
BAN KIỂM SOÁT

---o0o---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

Gia Lai, ngày 01 tháng 4 năm 2026



## **BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026**

Kính thưa Đại hội đồng cổ đông.

Ban kiểm soát (BKS) kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc; thẩm định kết quả hoạt động năm 2025 của Công ty Cổ phần PETEC Bình Định (Công ty) như sau:

### **I. Tình hình tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát**

BKS gồm có 03 thành viên, trong đó: cả 03 thành viên đều hoạt động theo cơ chế kiêm nhiệm.

Trong năm qua, BKS tập trung triển khai những nhiệm vụ cơ bản như sau:

- Thường xuyên xem xét, đánh giá các báo cáo về hoạt động SXKD và tình hình tài chính của Công ty;
- Kiểm tra, giám sát việc thực thi các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT; việc tuân thủ pháp luật đối với mọi mặt hoạt động của Công ty.

### **II. Kết quả giám sát hoạt động của thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc**

#### **1. Hoạt động của HĐQT**

- HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể; các quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT đều được lấy ý kiến các thành viên HĐQT dưới hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp hoặc bằng văn bản và thông qua theo nguyên tắc đa số;
- Lãnh đạo Công ty thực hiện kế hoạch SXKD và các nhiệm vụ trọng tâm mà ĐHĐCĐ năm 2025 đã giao.

- Tổ chức giám sát Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý trong việc điều hành, thực thi các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.

Qua giám sát, BKS nhận thấy HĐQT đã thực hiện đầy đủ quyền hạn, nhiệm vụ được giao trong việc chỉ đạo, quản lý và điều hành Công ty phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và Luật Doanh nghiệp.

#### **2. Hoạt động của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc điều hành đã triển khai và thực hiện nghiêm túc nội dung các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT; thực thi quyền hạn, nhiệm vụ được giao trong việc điều hành mọi mặt hoạt động của Công ty một cách cẩn trọng, tuân thủ đúng pháp luật và các qui định nội bộ của Công ty; đảm bảo sự ổn định về mặt tổ chức, nỗ lực trong việc triển khai và điều hành kết quả kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.

### **III. Giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh 2025**

Trong năm 2025, hoạt động kinh doanh của Công ty tập trung vào các ngành hàng chính: kinh doanh xăng dầu (bán buôn và bán lẻ), kinh doanh xi măng, kinh doanh vật liệu xây dựng và hợp tác đầu tư.



### 1. Tổ chức, nhân sự, lao động tiền lương

- Cơ cấu tổ chức của Công ty gồm: HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc và 04 phòng/bộ phận nghiệp vụ: P.KDXD, P.KDTH, P.TC-HC-TH, P.TC-KT.
- Tổng số lao động của toàn Công ty tại thời điểm 31/12/2025 là: 52 người. Trong đó nhân viên quản lý 12 người
- Quỹ lương thực hiện năm 2025 là: 9.307.482.717 đồng; thu nhập bình quân từ quỹ lương của người lao động là: 9.230.000 đồng/người/tháng.

### 2. Về hoạt động đầu tư

- Đầu tư tài chính: đến ngày 31/12/2025, tổng giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác là: 5.479.064.524 đồng. Công ty trích lập dự phòng đầu tư tài chính đến cuối năm 2025 là: 3.935.628.341 đồng.
- Đầu tư XDCB và mua sắm tài sản phục vụ SXKD: 435.368.686 đồng

### 3. Tình hình ký kết HĐKT và quản lý công nợ

- Ký kết hợp đồng kinh tế: Công ty tổ chức ký kết hợp đồng kinh tế đầy đủ với các đại lý xăng dầu, khách hàng xi măng và các khách hàng mua hàng có giá trị lớn (dịch vụ cấp lẻ và bán sỉ) tại CHXD; nội dung hợp đồng phù hợp với các qui định của pháp luật kinh tế.
- Công nợ: Tổng nợ phải thu đến 31/12/2025 là: 348.888.071.352 đồng. (tăng 19.362.183.119 đồng so với thời điểm 31/12/2024)
- Công tác quản lý công nợ tuân thủ theo đúng Quy chế quản lý công nợ hiện hành; việc đối chiếu công nợ tại thời điểm cuối tháng và cuối năm được thực hiện đầy đủ và nghiêm túc; nợ quá hạn đã được trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định.

### 4. Tổ chức hệ thống kế toán

- Công tác tổ chức kế toán của Công ty đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ kinh doanh của Công ty.
- Về sổ sách kế toán: Hình thức kế toán áp dụng ở đây là hình thức kế toán nhật ký chứng từ. Các loại sổ sách được mở và lưu trữ hợp lý. Công tác ghi chép chứng từ ban đầu đảm bảo đúng chế độ.

### 5. Tình hình báo cáo tài chính và kê khai nộp thuế

- Công ty thực hiện đầy đủ, đúng hạn các nghĩa vụ kê khai thuế và nghĩa vụ liên quan theo đúng quy định hiện hành.

### 6. Về việc thực hiện hạn mức vay theo Điều lệ và phân cấp của HĐQT

- Số dư nợ ngân hàng và cá nhân, tổ chức khác ngày 31/12/2025 là: 310.604.089.037 đồng, giảm 64.405.479.079 đồng, tương ứng giảm 17,17% so với thời điểm 31/12/2024. Việc giảm dư nợ này là phù hợp với quy mô doanh thu giảm của năm 2024.

## IV. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2025

Báo cáo tài chính năm 2025 (từ ngày 01/01/2025 - 31/12/2025) của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc Tế. Sau khi kiểm tra, Ban Kiểm soát thống nhất số liệu quyết toán như sau

## 1. Các chỉ tiêu về tình hình tài chính

ĐVT: đồng

| TÀI SẢN                                                     | 31/12/2025             | 01/01/2025             |
|-------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>I. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                                  | <b>385,782,367,131</b> | <b>424,401,994,836</b> |
| 1. Tiền và các khoản tương đương tiền                       | 1,591,522,999          | 49,581,555,007         |
| 2. Đầu tư tài chính ngắn hạn                                | 5,711,084,799          | 23,548,375,873         |
| 3. Các khoản phải thu                                       | 375,028,276,632        | 342,434,110,481        |
| <i>Trong đó, dự phòng phải thu khó đòi</i>                  | <i>-2,596,299,637</i>  | <i>-2,614,299,637</i>  |
| 4. Hàng tồn kho                                             | 3,163,792,449          | 8,211,486,543          |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                                    | 287,690,252            | 626,466,932            |
| <b>II. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                                  | <b>39,652,329,306</b>  | <b>49,960,714,852</b>  |
| 1. Tài sản cố định                                          | 19,809,440,057         | 25,363,615,537         |
| 2. Bất động sản đầu tư                                      | 16,400,000,000         | 21,012,500,000         |
| 3. Tài sản dở dang dài hạn                                  | 435,368,686            | -                      |
| 4. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn                       | 5,479,064,524          | 5,479,064,524          |
| <i>Trong đó, dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn</i> | <i>-3,935,628,341</i>  | <i>-3,704,702,631</i>  |
| 5. Tài sản dài hạn khác                                     | 1,464,084,380          | 1,810,237,422          |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                                    | <b>425,434,696,437</b> | <b>474,362,709,688</b> |
| <b>NGUỒN VỐN</b>                                            |                        |                        |
| <b>I. NỢ PHẢI TRẢ</b>                                       | <b>340,920,909,833</b> | <b>398,519,300,385</b> |
| 1. Nợ ngắn hạn                                              | 340,920,909,833        | 398,519,300,385        |
| 2. Nợ dài hạn                                               |                        |                        |
| <b>II. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                   | <b>84,513,786,603</b>  | <b>75,843,409,303</b>  |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu                                | 40,391,470,000         | 40,391,470,000         |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                                     | -54,000,000            | -54,000,000            |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển                                    | 17,028,679,974         | 17,028,679,974         |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                        | 27,147,636,629         | 18,477,259,329         |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                                  | <b>425,434,696,437</b> | <b>474,362,709,688</b> |

## 2. Kết quả kinh doanh

ĐVT: đồng

|                                                      |                        |
|------------------------------------------------------|------------------------|
| <b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>        | <b>716,245,953,703</b> |
| Các khoản giảm trừ doanh thu                         | 1,810,302,194          |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ      | 714,435,651,509        |
| Giá vốn hàng bán                                     | 692,240,531,071        |
| <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> | <b>22,195,120,438</b>  |
| Doanh thu hoạt động tài chính                        | 23,019,646,813         |
| Chi phí tài chính                                    | 22,774,245,847         |
| Chi phí bán hàng                                     | 10,661,679,700         |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp                         | 9,035,697,708          |
| <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>       | <b>2,743,143,996</b>   |
| Thu nhập khác                                        | 17,055,732,647         |
| Chi phí khác                                         | 5,031,818,029          |
| Lợi nhuận khác                                       | 12,023,914,618         |

|                                   |                |
|-----------------------------------|----------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 14,767,058,614 |
| Thuế TNDN phải nộp                | 5,796,681,314  |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN           | 8,970,377,300  |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu          | 2,221          |

### 3. Một số ghi nhận về báo cáo tài chính của Công ty

*\* Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình tài chính và hiệu quả kinh doanh*

| Chỉ tiêu                                                 | ĐVT | Cuối kỳ | Đầu kỳ |
|----------------------------------------------------------|-----|---------|--------|
| <b>1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn</b>            |     |         |        |
| <b>1.1. Bố trí cơ cấu tài sản</b>                        |     |         |        |
| - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản                          | %   | 90.68%  | 89.47% |
| - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản                           | %   | 9.32%   | 10.53% |
| <b>1.2. Bố trí cơ cấu vốn</b>                            |     |         |        |
| - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn                             | %   | 80.13%  | 84.01% |
| - Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn                          | %   | 19.87%  | 15.99% |
| <b>2. Khả năng thanh toán</b>                            |     |         |        |
| 2.1. Khả năng thanh toán tổng quát                       | lần | 1.25    | 1.19   |
| 2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn                     | lần | 1.13    | 1.06   |
| 2.3. Khả năng thanh toán nhanh                           | lần | 1.12    | 1.04   |
| 2.4. Khả năng thanh toán tức thời                        | lần | 0.02    | 0.18   |
| 2.5. Khả năng thanh toán lãi vay                         | lần | 1.67    | 1.07   |
| <b>3. Tỷ suất sinh lời</b>                               |     |         |        |
| <b>3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS)</b>        |     |         |        |
| - Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu                 | %   | 2.07%   | 0.14%  |
| - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu                   | %   | 1.26%   | -0.11% |
| <b>3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA)</b>     |     |         |        |
| - Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản              | %   | 3.47%   | 0.36%  |
| - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản               | %   | 2.11%   | -0.29% |
| <b>3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn CSH (ROE)</b> | %   | 10.61%  | -1.80% |

### 4. Nhận định, đánh giá kết quả kinh doanh và tài chính năm 2025

- Tổng doanh thu thực hiện là: 716,2 tỷ đồng, đạt 45,82% so với kế hoạch doanh thu năm 2025 được ĐHĐCĐ thường niên thông qua.
- Lợi nhuận thực hiện sau thuế là: 8,97 tỷ đồng, đạt 139,68% so với kế hoạch lợi nhuận năm 2025 được ĐHĐCĐ thường niên thông qua.
- Tình hình tài chính của Công ty bình thường: khả năng thanh toán nợ được đảm bảo; cơ cấu tài sản (90,68% là tài sản ngắn hạn và 9,32% là tài sản dài hạn) phù hợp với loại hình công ty thương mại; các khoản đầu tư dài hạn đều được tài trợ từ nguồn vốn dài hạn nên khả năng thanh khoản được kiểm soát tốt. Tuy nhiên, Công ty cần tập trung tăng cường công tác quản lý nợ và thu hồi nợ, đặc biệt là đối với các khoản nợ tồn đọng quá hạn trên 3 tháng để giảm thiểu chi phí do phải trích lập dự phòng làm giảm lợi nhuận kinh doanh và kiểm soát được rủi ro nhằm đảm bảo an toàn tài chính.
- Tính đến thời điểm 31/12/2025, theo số lượng cổ phiếu hiện tại, giá trị cổ phần theo sổ sách kế toán là 7.900 đồng/CP, so với mệnh giá 10.000 đồng/CP thì vốn của cổ

đồng đã bị sụt giảm giá trị.

#### 5. Kết quả phân phối lợi nhuận sau thuế

- Kết quả phân phối lợi nhuận năm 2024 đã được Công ty thực hiện đúng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025 phê duyệt.

- Tình hình lợi nhuận năm 2025 của Công ty đã được tạm phân phối như sau:

|                                                                |                |
|----------------------------------------------------------------|----------------|
| 1/ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối các năm trước chuyển sang | 18.477.259.329 |
| 2/ Trích quỹ khen thưởng theo nghị Quyết ĐHĐCĐ 2025            | 300.000.000    |
| 3/ Lợi nhuận sau thuế 2025                                     | 8.970.377.300  |
| 4/ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại                   | 27.147.636.629 |
| 5/ Mức trả cổ tức/cổ phần                                      | 0 đ/cp/năm     |

Trên đây là báo cáo của BKS về tình hình hoạt động trong năm 2025. Kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua.

#### CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Trưởng ban



NGUYỄN PHƯƠNG LINH